

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/DS-PT
Ngày: 23/8/2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Bùi Đình Thông;

Các thẩm phán: Ông: Hồ Đức Quang;

Bà: Trần Thị Thu Hiền;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thăng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 23/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2017/TLPT-DS, ngày 22/6/2017 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST, ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T; địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 4, đường T, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (*Có mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình G - Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị H; địa chỉ: Số nhà 01, ngõ 2 đường T, Tổ 3, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (*Có mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phan Văn C – Luật sư Văn phòng luật sư A thuộc đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Quốc C, địa chỉ: Số nhà 01, ngõ 2, tổ 3 đường T, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (*Có mặt*)

- Ông Trần Ngọc C, địa chỉ: Khôi phố 6, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

- Bà Trần Thị H1, địa chỉ: Tổ 3, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

4. *Người làm chứng:*

- Ông Trần Viết N, địa chỉ: Số nhà 14, đường Đ, phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

- Ông Trần Viết Đ, địa chỉ: Tổ 7 phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

- Bà Trần Thị T1, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Năm 1959, bố mẹ bà là ông Trần Viết L và bà Trần Thị C cho bà một phần diện tích đất 680m². Gia đình bà đã làm nhà và sống ổn định từ trước đến nay không có tranh chấp với ai. Đến năm 1985 bố mẹ bà viết “*Giấy cho con quyền sử dụng đất vườn*” với diện tích 680m² để anh em khỏi tranh giành nhau. Năm 2005 các anh em bà T gồm anh trai ông Trần Viết N và em gái Trần Thị T1 đã họp gia đình và cùng thống nhất nội dung bố mẹ bà T đã cho diện tích đất 680m² tại địa chỉ nhà số 06, ngõ 4 đường T, phường B, thành phố H. Năm 1998, con gái bà là Trần Thị H có xây một ky ột nhỏ trên phần diện tích 680m² của bà để ở tạm. Tuy nhiên, sau đó bà Trần Thị H cho rằng ông L, bà C (ông bà ngoại) cho bà Trần Thị H một phần diện tích đất nên tranh chấp với bà và cản trở gia đình bà trong việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời xây nhà trái phép trên phần đất của bà trong khi bà H không có bất kỳ căn cứ hay giấy tờ gì xác định việc bà đã được tặng cho đất. Vì vậy bà Trần Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H tháo dỡ nhà và các công trình khác để trả lại cho bà T 160,7m² đất mà bà H đang sử dụng và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh công nhận bà được quyền sử dụng 680m² đất tại số nhà 06, ngõ 4 đường T, tổ 3 phường B, thành phố H.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Năm 1983 ông Trần Viết L và bà Trần Thị C (ông bà ngoại) cho bà một miếng đất là ao rau muống, năm 1984 địa chính về đo vẽ sơ đồ phần đất ao rau muống có diện tích 250m² và hiện nay trên bản đồ 299 phần diện tích đất nói trên mang tên bà. Đến năm 1985 ông bà ngoại viết giấy cho bà thừa đất trên, vì tin tưởng nên bà H giao giấy lại cho mẹ bà là bà Trần Thị T (mẹ đẻ) cất giữ, năm 1985 gia đình bà đổ đất lấp ao rau muống,

làm nhà tạm trên thửa đất này để sinh sống. Năm 1988 gia đình bà làm nhà sinh sống từ đó cho đến nay. Nay bà T yêu cầu bà trả lại đất bà không nhất trí vì thửa đất này ông bà ngoại đã cho bà. Mặt khác trong “Giấy cho con quyền sử dụng đất vườn” lập ngày 02/5/1985 không ghi diện tích đất vì thời điểm viết giấy chưa đo được nên không ghi diện tích vào giấy, còn số 680m² và dòng chữ sáu trăm tám mươi mét vuông đất ghi trong giấy là do bà Trần Thị H1 (em gái bà H) viết thêm vào sau thời điểm ông bà ngoại đã ký vào giấy cho con quyền sử dụng đất vườn, nên bà H đề nghị Tòa án trung cầu giám định “*Giấy cho con quyền sử dụng đất vườn*” lập ngày 02/5/1985.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1 trình bày: Bố mẹ bà là ông Trần Ngọc L và bà Trần Thị T có một lô đất và nhà ở từ năm 1959 đến nay, diện tích 680m², nay còn 628,6m², đất không có tranh chấp. Đất còn nguyên chưa hề chia hoặc bán cho ai. Năm 1982 nhà nước đo đất ghi tên bố đẻ là Trần Ngọc L diện tích 680m²; năm 1995-1996 khi đo đất cán bộ đoàn đo đạc ghi tên bố Trần Ngọc L trên thửa đất số 11 với diện tích 680m². Nay thấy trong sơ đồ 371 đất của bố mẹ lại bị chia cắt nhiều phần nên đề nghị Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C trình bày: Ông bà ngoại bên vợ có cho vợ chồng một miếng đất ao hồ rau muống, năm 1984 địa chính về đo được 250m² và vợ chồng ông đã đổ đất trên đó để làm nhà ở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc C (con trai bà T) trình bày: Bố mẹ ông là bà Trần Thị T và ông Trần Ngọc L có lô đất từ năm 1959 đến nay, diện tích 628,6m² không có tranh chấp với ai. Tháng 10/1998 chị H xin làm ô tô ở tạm trong đất của bố mẹ, năm 2014 cán bộ về đo đất cho bố mẹ để làm thủ tục cấp bìa thì chị Trần Thị H cản trở.

Với nội dung vụ án trên, ngày 08/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đã đưa ra xét xử: Áp dụng các điều 96, khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị H trả lại 160,7m² đất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/5/2017 nguyên đơn bà Trần Thị T làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm vì bà cho rằng bản án xử chưa khách quan, chưa đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình G trình bày: Nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn là đúng và có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Văn C trình bày: Việc khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự, đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người đại diện và các đương sự:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét toàn bộ tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở để khẳng định: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa bà Trần Thị T và bà Trần Thị H là đất của ông Trần Viết L và bà Trần Thị C để lại, hiện tại các bên đang tranh chấp nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

{1} Xét nội dung khởi kiện của bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả lại phần diện tích đất bà H đang sử dụng là 160,7m² và yêu cầu Tòa án công nhận bà được quyền sử dụng 680m² đất tại số nhà 06, ngõ 4 đường T, tổ 3 phường B, thành phố H. Bà T cho rằng bố mẹ bà là ông Trần Viết L và bà Trần Thị C đã cho bà 680m² đất, gia đình bà đã làm nhà và sống ổn định từ trước đến nay không có tranh chấp. Năm 1985 bố mẹ bà viết “*Giấy cho con quyền sử dụng đất vườn*” với diện tích 680m² để anh em khởi tranh giành nhau. Năm 2005 các anh em bà T gồm anh trai ông Trần Viết N và em gái Trần Thị T1 đã họp gia đình và cùng thống nhất nội dung bố mẹ bà T đã cho diện tích đất 680m² cho bà. Khi khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị T cung cấp các tài liệu, chứng cứ, gồm: Bản phô tô biên bản họp gia đình, bản phô tô “*Giấy cho con quyền sử dụng đất vườn*” của ông Trần Viết L và bà Trần Thị C lập ngày 02/5/1985.

Tuy nhiên, phía bị đơn bà Trần Thị H cho rằng: Năm 1983 ông Trần Viết L và bà Trần Thị C (là ông bà ngoại) cho bà một miếng đất ao rau muống. Năm 1984 địa chính về đo vẽ sơ đồ toàn bộ ao rau muống có diện tích 250m² và hiện nay trên bản đồ 299 phần diện tích đất nói trên mang tên bà H. Còn trong “*giấy cho con được quyền sử dụng đất vườn*” lập ngày 02/5/1985 do bà Trần Thị T cung cấp ghi “680 m² và dòng chữ sáu trăm tám mươi mét vuông đất” là do bà Trần Thị H1 con gái bà Trần Thị T (em gái bà H) ghi thêm vào nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với “*Giấy cho con được quyền sử dụng đất vườn*” lập ngày 02/5/1985. Xét yêu cầu của bị đơn là chính đáng, Tòa án cấp sơ thẩm đã có công văn yêu cầu bà Trần Thị T cung cấp bản gốc “*Giấy cho con được quyền sử dụng đất vườn*” nhưng bà T không cung cấp, nên đã căn cứ các quy định pháp luật để bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T là đúng quy định pháp luật.

{2} Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Trần Thị T, ngày 08/8/2017 Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm đã tiến hành làm việc, yêu cầu bà cung cấp bản gốc “*Giấy cho con được quyền sử dụng đất vườn*” bà T hẹn đến ngày 11/8/2017 sẽ cung cấp nhưng đến ngày 11/8/2017 bà T vẫn không cung cấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử tiếp tục yêu cầu bà T cung cấp bản gốc “*Giấy cho con được quyền sử dụng đất vườn*” để tiến hành trưng cầu giám định, làm cơ sở cho việc giải quyết vụ kiện, nhưng bà T cho rằng bà đã cung cấp bản phô tô nên không cung cấp bản gốc cho Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành giám định được. Theo quy định tại khoản 1 điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì “*tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng chứng thực...*” nên giấy tờ bà Trần Thị T đã cung cấp không thể xem là chứng cứ, do đó Tòa án không có cơ sở để xem xét yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới, nên hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Từ những phân tích và nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị T.

{3} Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 308 BLTTDS năm 2015.

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST, ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Tĩnh.

2. Áp dụng điều 96, khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị H trả lại 160,7m² đất.

3. Về án phí, lệ phí:

- Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 3 điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 buộc bà T phải chịu 26.498.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng bà được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) theo biên lai số: 006604 ngày 17/11/2015 tại Cơ quan thi hành án dân sự Thành phố Hà Tĩnh. Bà Trần Thị T còn phải nộp tiếp 26.298.000 đồng.

Về lệ phí định giá: Bà Trần Thị T phải chịu 1.300.00 đồng. Bà đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng, trả lại cho bà T 1.700.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH buộc bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Tĩnh theo Biên lai số 0000621 ngày 26/5/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/8/2017).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, THA sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông